

CÔNG TY TNHH TMDV HÀ NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV HÀ NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NAM TMDV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109350796

3. Ngày thành lập: 22/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 42/486 đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983.556.577 - 0865.180.185 Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
2.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải y tế; Thu gom rác thải độc hại khác.	3812
4.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
5.	Xây dựng nhà để ở	4101
6.	Xây dựng nhà không để ở	4102
7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
8.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4511
11.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4512
12.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4513

13.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ: Đắp và tái chế lốp ô tô và xe có động cơ khác)	4520
14.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
15.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4541
16.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Loại trừ: Đắp và tái chế lốp ô tô và xe có động cơ khác)	4542
17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ: Bán buôn phụ tùng xe đạp; Bán buôn nhiên liệu động cơ) - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ: Bán lẻ nhiên liệu động cơ; Bán lẻ phụ tùng xe đạp)	4543
18.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4610
19.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
20.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
21.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: ☐ Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; ☐ Bán buôn thủy sản; ☐ Bán buôn rau, quả; ☐ Bán buôn cà phê; ☐ Bán buôn chè; ☐ Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.	4632
22.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
23.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Nhà thuốc (Hoạt động tại trụ sở) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4649
24.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659

27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: ☐ Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh ☐ Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh ☐ Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh ☐ Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ kinh doanh vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí	4773
38.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4774
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
40.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
41.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
42.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
43.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
44.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ: Đấu giá bán lẻ qua internet) Chi tiết: Kinh doanh thương mại điện tử	4791
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931

46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP	4933
48.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
49.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
50.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
51.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
54.	Bốc xếp hàng hóa	5224
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa; dịch vụ vận tải đa phương thức (trừ đường hàng không); dịch vụ logistics (trừ đường hàng không); Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải. dịch vụ đại lý tàu biển; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ môi giới hàng hải và các dịch vụ hàng hải khác (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không). đại lý vận chuyển hàng hóa	5229(Chính)
57.	Bưu chính Loại trừ: Chuyển khoản bưu điện, tiết kiệm bưu điện và chuyển tiền bưu điện	5310
58.	Chuyển phát Chi tiết: Đại lý cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài; Dịch vụ giao hàng tận nhà (Loại trừ: Vận tải hàng hóa theo các phương thức vận tải	5320
59.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Loại trừ: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh đồ ăn	5610
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Loại trừ: Sản xuất đồ ăn có thời hạn sử dụng ngắn để bán lại; Bán lẻ đồ ăn có thời hạn sử dụng ngắn	5621
62.	Dịch vụ ăn uống khác Loại trừ: Sản xuất đồ ăn có thời hạn sử dụng ngắn để bán lại; Bán lẻ đồ ăn có thời hạn sử dụng ngắn	5629

63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
64.	Lập trình máy vi tính	6201
65.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính	6202
66.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: ☐ Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. ☐ Hoạt động công nghiệp phần cứng; ☐ Hoạt động công nghiệp phần mềm; ☐ Hoạt động công nghiệp nội dung.	6209
67.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
68.	Cổng thông tin	6312
69.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
70.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành	7911
71.	Điều hành tua du lịch	7912
72.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
73.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
74.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
75.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
76.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa Điều 1 và Điều 16 Nghị định 187/2013/NĐ-CP	8299
78.	Giáo dục nhà trẻ	8511
79.	Giáo dục mẫu giáo	8512
80.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
81.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
82.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
83.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
84.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

85.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	DƯƠNG VĂN TRỌNG	TDP Cáo Đình 4, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	035082000102	
2	NGUYỄN THỊ CHUNG	TDP Cáo Đình 4, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001185025086	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ CHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/01/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001185025086

Ngày cấp: 14/06/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP Cáo Đình 4, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 44/486 Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội